

TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
-----***-----



PETROLIMEX

TÀI LIỆU
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hà Nội, tháng 04 năm 2021



CHƯƠNG TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Ngày: 14/04/2021

Địa điểm: Văn phòng Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu
- Tầng 15, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông- Ba Đình, Hà Nội

Thời gian	Nội dung chương trình	Ghi chú
9h00 - 9h30	Thủ tục khai mạc Đại hội:	
	- Đón khách và phát tài liệu	Ban tổ chức
	- Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông	Trưởng BKS
	- Khai mạc Đại hội, giới thiệu Đoàn chủ tịch Đại hội, giới thiệu Đại biểu	Ban tổ chức
9h30 - 11h00	Chủ tịch Đại hội điều hành Đại hội:	
	- Giới thiệu Thư ký Đại hội	Chủ tọa ĐH
	- Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội	nt
	- Thông qua chương trình Đại hội	nt
	Các vấn đề báo cáo, thảo luận và thông qua:	
1	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020; Phương hướng, nhiệm vụ Kế hoạch năm 2021	TV HĐQT-TGĐ
2	- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020	Chủ tịch HĐQT
3	- Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán	TP TCKT
4	- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020	Trưởng BKS
5	- Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021	Trưởng BKS
6	- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2020	Chủ tịch HĐQT
7	- Báo cáo của HĐQT về quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020.	TV HĐQT (Ô. Ngô Sơn)
8	Tờ trình của Hội đồng quản trị về phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021	
9	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty	Chủ tịch HĐQT
10	Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty	TV HĐQT Ô. Ngô Sơn
11	Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	Chủ tịch HĐQT
12	Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	Trưởng BKS
13	Chủ tịch HĐQT tiếp thu ý kiến và biểu quyết các vấn đề thảo luận tại Đại hội.	Chủ tịch HĐQT
11h30	Đại biểu phát biểu ý kiến	
11h45	Kết thúc Đại hội:	
	Thông qua Nghị quyết, Biên bản Đại hội	Chủ tịch HĐQT
	Bế mạc Đại hội	Ban tổ chức

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu được ĐHĐCĐ thường niên Công ty thông qua ngày 09/04/2019.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội nội dung Quy chế làm việc tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Các cổ đông đến tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón.
2. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp. Không hút thuốc lá, không nói chuyện ồn ào, không sử dụng điện thoại di động trong hội trường.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. **Nguyên tắc:** Các vấn đề trong chương trình họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra. Thẻ biểu quyết có dấu Công ty ở góc trái và in số cổ phần sở hữu của cổ đông/đại diện cổ đông.

2. Phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết có 2 loại:
 - Loại màu vàng là cổ đông/Đại diện cổ đông pháp nhân;
 - Loại màu xanh là cổ đông hoặc đại diện cổ đông thể nhân.
- Phiếu biểu quyết ghi giá trị điểm biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông tương ứng với số cổ phần và số điểm của cổ đông hoặc đại diện cổ đông sở hữu.
- Cách tính điểm trong Phiếu biểu quyết: cứ 01 cổ phần = 01 điểm.

3. Phương thức, thẻ lệ biểu quyết:

- Với nội dung được yêu cầu biểu quyết, cổ đông thống nhất ý kiến hoặc không thống nhất ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội, cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến. Trong lúc biểu quyết, cổ đông ra ngoài được xem như đồng ý với nội dung cần biểu quyết.
- Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị biểu quyết tại Đại hội khi chủ tọa yêu cầu biểu quyết các vấn đề nghị sự Đại hội;
 - Khi biểu quyết, cổ đông cầm Phiếu biểu quyết dơ thẳng lên trên đầu, quay mặt có ghi số cổ phần sở hữu (hoặc đại diện sở hữu) về phía trước;
 - Giá trị biểu quyết của cổ đông tại Đại hội thể hiện bằng số điểm biểu quyết tương ứng với giá trị cổ phần cổ đông sở hữu, hoặc đại diện sở hữu ghi trên phiếu biểu quyết;
 - Việc thông qua quyết định của ĐHĐCĐ phải được số cổ đông đại diện ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự Đại hội tán thành về các vấn đề sau: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty; Quyết định việc mua, bán số tài sản cố định, góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, đầu tư tài chính có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp ĐHĐCĐ tán thành.

III. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Sau khi tiến hành xong các báo cáo được trình tại Đại hội, chủ tọa Đại hội tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình ĐHĐCĐ;
2. Cổ đông có ý kiến phải đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban thư ký Đại hội;
3. Chủ tọa Đại hội chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong pháp luật, hoặc các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.
4. Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung đại hội sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty.
5. Các câu hỏi không kịp trả lời trong đại hội do thời gian có hạn, cũng sẽ được trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các quy chế, thể lệ đã được đại hội thông qua. Chủ tọa đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn được bảo lưu tại đại hội vào Biên bản họp đại hội;
2. Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông và chuyển cho Chủ tọa đại hội;
3. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua đại hội.

VI. NHIỆM VỤ CỦA CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI

1. Cổ đông dự đại hội phát biểu ý kiến phải chuẩn bị kỹ nội dung phát biểu, đúng trọng tâm, thời gian phát biểu ý kiến thực hiện theo điều hành của Đoàn chủ tịch;
2. Thời gian làm việc của đại hội:
 - Thời gian làm việc của đại hội do Ban tổ chức đại hội quy định;
 - Cổ đông dự đại hội có mặt trước mỗi buổi làm việc 10 phút để ổn định tổ chức.

Trên đây là toàn bộ nội dung Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu.

Kính trình Đại hội đồng thông qua.



Trương Hùng Sơn

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020 – KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

Kính thưa: Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu

Qua 1 năm triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao, Tổng giám đốc Công ty báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài khó lường đã gây ra tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng của Công ty.

Trong năm qua, công ty tiếp tục triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện còn nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh chưa bù đắp được khoản lỗ lũy kế từ các năm trước. Về thương mại, Công ty chú trọng tập trung vào phát triển thương mại với ngành kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành xăng dầu, dầu APP., than trắng của Lào xuất đi Nhật; khai thác kinh doanh cửa hàng xăng dầu, kinh doanh mạng Wifi tại Ga đường sắt Hà Nội. Công ty tiếp tục công tác cho thuê văn phòng, dịch vụ, thiết bị và cửa hàng xăng dầu tại các dự án bất động sản như: A2 Ngọc Khánh, 549 Nguyễn Văn Cừ, 775 Giải Phóng – Hà Nội, các hợp đồng thuê và cho thuê lại cửa hàng xăng dầu tại Huế, Đà Nẵng.

Bên cạnh đó công ty cũng tích cực xúc tiến tìm kiếm cơ hội đầu tư cửa hàng xăng dầu trên phạm vi Hà Nội và các tỉnh, trong quý 4 năm 2020 đã đưa vào khai thác thêm 01 cửa hàng xăng dầu tại Cao Xá- Phú Thọ, tìm kiếm hợp tác đầu tư 01 cửa hàng xăng dầu tại tỉnh Hưng Yên, lập dự án cửa hàng xăng dầu tại 775 Giải Phóng-Hà Nội

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện		Tỷ lệ %	
			Năm 2019	Năm 2020	TH 2020 so với KH 2020	TH 2020 so với TH 2019
1. Tổng doanh thu	Triệu đ	51.075	43.505	49.533	97,0%	113,9%
2. Doanh thu thuần hợp nhất		49.275	39.312	46.903	95,2%	119,3%
3. Tổng chi phí		48.850	41.277	48.088	98,4%	116,5%
4. Lợi nhuận HN trước thuế	Triệu đ	2.225	2.228	1.445	64,9%	64,9%
5. Lợi nhuận HN sau thuế	Triệu đ	2.012	1.983	1.201	59,7%	60,6%
6. Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	2.01	1.98	1.20	59,7%	60,6%
7. Tỷ suất LN sau thuế/VCSH bình quân	%	2.01	1.99	1.21	60,2%	60,8%
8. Tỷ lệ chia cổ tức	%	0	0	0	0	0

(Theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020)

Kết quả kinh doanh của công ty không đạt được kế hoạch phần lớn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài như: Khách thuê văn phòng giảm, tại sàn A2 Ngọc Khánh khách thuê xin hỗ trợ giảm giá 15% tiền thuê văn phòng trong 03 tháng; Chưa khai thác được toàn bộ mặt bằng văn phòng tại 775 Giải Phóng; Sản lượng xăng dầu thấp, chiết khấu xăng dầu giảm;

Ngoài ra Công ty còn gặp những khó khăn khác làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty như: thủ tục đầu tư cửa hàng xăng dầu kéo dài, chưa đưa được các cửa hàng xăng dầu vào khai thác đúng tiến độ; Chi phí tiền điện, nhân công, chi phí khấu hao tài sản phục vụ cho việc cung cấp điện hệ thống data center cao do có quyết định của Bộ Công thương về điều chỉnh mức giá bán điện ngày 20/03/2019 trong khi Công ty chưa ký được phụ lục điều chỉnh tăng giá Hợp đồng khoán điện nước với Tổng Công ty PGCC: chi phí này đã không thể hạch toán được trong năm 2020, dẫn đến việc làm giảm 17% thực hiện chỉ tiêu so với kế hoạch đã đề ra; Tình hình thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn.

2. Đánh giá kết quả thực hiện dự án năm 2020:

2.1. Đầu tư dự án:

- Dự án hợp tác đầu tư cửa hàng điện máy 549 Nguyễn Văn Cừ: Trong năm 2020 doanh thu đạt 3,54 tỷ đồng. Công ty VHC đã tạm ứng tiền thuê cho PLAND đến hết 31/12/2020; PLAND đã thanh toán cho Công ty Xăng dầu KVI đến hết ngày 28/2/2021. Dự án đưa vào khai thác một thời gian dài nhưng phía đối tác chưa hoàn thiện hồ sơ hoàn công, quyết toán công trình nên chưa ghi nhận được giá trị đầu tư với công ty VHC. Trong năm Pland đã phối hợp với VHC, Xăng dầu KVI giải quyết các công việc về công tác PCCC công trình, hoàn thiện hợp đồng hợp tác đầu tư theo yêu cầu của cơ quan chức năng nhà nước và sẽ thỏa thuận điều chỉnh giá thuê, quyết toán giá trị công trình để ghi nhận tài sản.

- Dự án khai thác khu đất số 6 Bạch Đằng - Đà Nẵng: ngày 08/12/2020, PLAND đã gửi đơn khởi kiện Công ty Thành Đạt đến TAND quận Hải Châu, Đà Nẵng. Hiện tại TAND quận Hải Châu đã thụ lý hồ sơ và đang giải quyết vụ việc theo quy định.

- Dự án TDK Mê Linh: HĐQT công ty đã có Nghị quyết về việc thoái vốn Dự án TDK Mê Linh. Công ty đã ký phụ lục hợp đồng về việc thoái vốn hợp tác đầu tư tại dự án TDK, TDK sẽ hoàn vốn hợp tác đầu tư cho Pland tổng số tiền là 40,2 tỷ đồng (chưa bao gồm lãi chậm thanh toán). Đến 31/12/2020 công ty TDK đã hoàn trả 33,9 tỷ đồng, số tiền gốc còn phải hoàn trả là 6,3 tỷ đồng. Công ty đã ký phụ lục gia hạn thời gian hoàn trả vốn góp và lãi trả chậm đến 30/6/2021.

- Dự án Nghi Kim - Nghệ An: Tháng 4/2020, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã có nghị quyết phê duyệt chủ trương cho Công ty Xăng dầu Nghệ An thoái vốn tại Công ty NALAND thông qua giải thể Công ty NALAND. Ngày 16/04/2020, Công ty Xăng dầu Nghệ An đã gửi văn bản đến Công ty NALAND và các cổ đông PHH, PLAND đề nghị giải thể Công ty NALAND. Ngày 22/09/2020, Đại hội đồng cổ đông Công ty NALAND đã có nghị quyết về việc giải thể công ty, Công ty NALAND đã hoàn trả góp vốn cho các cổ đông trong tháng 3/2021 và đang nộp hồ sơ giải thể lên Phòng Đăng ký kinh doanh để làm tục giải thể công ty.

2.2. Cho thuê văn phòng, dịch vụ, thiết bị và CHXD:

- Dự án A2 Ngọc Khánh: trong năm 2020 ngoài phần diện tích Công ty hiện đang sử dụng, công ty kinh doanh cho thuê toàn bộ diện tích còn lại với doanh thu (chưa VAT) là 6,2 tỷ đồng.

- Dự án cho thuê CHXD 61 Nguyễn Văn Cừ - Đà Nẵng và CHXD 187 Hùng Vương - Huế: doanh thu năm 2020 đạt 1,9 tỷ đồng

- Dự án khai thác Tòa nhà 775 Giải Phóng: Công ty đã triển khai sửa chữa, cải tạo lại Tòa nhà (không bao gồm diện tích Data center), hiện đang cho thuê tầng 5,6 và một phần tầng 2 để làm kho lưu trữ, doanh thu năm 2020 đạt 1,09 tỷ đồng.

2.3. Đầu tư cửa hàng xăng dầu:

a. Dự án Cửa hàng xăng dầu Xe lửa Dĩ An- Bình Dương:

Phương thức đầu tư: PLAND hợp tác với Công ty cổ phần Xe lửa Dĩ An – thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh. Công ty cổ phần Xe Lửa Dĩ An góp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (1391,7m²), PLAND trực tiếp đầu tư toàn bộ và quản lý, điều hành kinh doanh cửa hàng xăng dầu. Thời hạn hợp tác: 25 năm. Các công việc đã triển khai và những tồn tại:

- PLAND và Công ty CP Xe lửa Dĩ An đã ký Hợp đồng nguyên tắc 535/HĐNT ngày 01/8/2018.

- PLAND ký hợp đồng với các nhà thầu: đo đạc khảo sát, thiết kế, dịch vụ tư vấn thực hiện thủ tục pháp lý...

- Thành lập Chi nhánh Bình Dương.

- Triển khai các thủ tục đầu tư của dự án: đo vẽ hiện trạng, khảo sát địa chất, lập thiết kế sơ bộ cửa hàng xăng dầu, làm việc với: Sở Công thương, UBND Thị xã Dĩ An, Tổng cục quản lý đất đai - Bộ TNMT, Sở Tài nguyên và Môi trường,...

- Ngày 17/02/2020, Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương có công văn số 577/STNMT-CCQLĐĐ đề nghị Công ty xe lửa Dĩ An thực hiện các nội dung phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với tất cả các cơ sở nhà, đất công ty đang quản lý, sử dụng theo qui định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ trước khi liên hệ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất.

Việc áp dụng theo qui định tại Nghị định 167 sẽ rất phức tạp và kéo dài thời gian khi Công ty xe lửa Dĩ An đang quản lý, sử dụng khá nhiều cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương. PLAND, Công ty xe lửa Dĩ An cùng đơn vị tư vấn đã và đang sử dụng các biện pháp để xin chủ trương từ UBND Tỉnh Bình Dương theo hướng chấp thuận xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu và cam kết sử dụng đúng mục đích tài sản theo qui định tại luật đất đai. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có kết quả.

b. Dự án Cửa hàng xăng dầu Cao Xá- Phú Thọ:

Phương thức đầu tư: PLAND hợp tác với Công ty TNHH MTV Sông Hồng Phú Thọ thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh. Công ty Sông Hồng Phú Thọ góp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (phần làm cửa hàng xăng dầu: 1874m²), PLAND trực tiếp đầu tư toàn bộ và quản lý, điều hành kinh doanh cửa hàng xăng dầu. Thời hạn hợp tác là 20 năm. Cửa hàng xăng dầu đã có giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu và đi vào hoạt động từ tháng 09/2020.

c. Dự án Cửa hàng xăng dầu Gia Khánh và thuê Cửa hàng xăng dầu 141- Vĩnh Phúc:

Phương thức đầu tư:

- Cửa hàng xăng dầu Gia Khánh: PLAND hợp tác với Công ty TNHH Thanh Tùng thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh. Công ty Thanh Tùng góp tài sản gắn liền với quyền sử dụng

đất (1890m²), PLAND trực tiếp đầu tư toàn bộ và quản lý, điều hành kinh doanh cửa hàng xăng dầu. Thời hạn hợp tác: 20 năm.

- Cửa hàng xăng dầu 141: PLAND hợp tác với Công ty TNHH Thanh Tùng thông qua hợp đồng thuê tài sản. Công ty Thanh Tùng hiện cho Chi nhánh xăng dầu Vĩnh Phúc thuê cửa hàng xăng dầu, đến tháng 9/2020 hết hạn hợp đồng. Sau đó PLAND sẽ tiếp quản thuê. Thời hạn thuê: 23 năm kể từ năm 2020.

- Công ty TNHH Thanh Tùng đề nghị thực hiện kết hợp đồng thời Hợp đồng hợp tác kinh doanh CHXD Gia Khánh và hợp đồng thuê CHXD 141.

Các công việc đã triển khai và những tồn tại:

- PLAND và Công ty TNHH Thanh Tùng ký Hợp đồng đặt cọc ngày 06/5/2019, PLAND thực hiện đặt cọc 500 triệu đồng cho Công ty Thanh Tùng để đảm bảo hai bên ký hợp đồng thuê tài sản và Hợp đồng hợp tác kinh doanh khi được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp Quyết định giao đất.

- Công ty TNHH Thanh Tùng được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp Quyết định giao đất số 3202/QĐ-UBND ngày 18/12/2019.

- Công ty TNHH Thanh Tùng được cấp Quyết định giao đất chậm so với tiến độ được hai bên thống nhất. Do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nên hai bên chưa thể triển khai các công việc theo đúng tiến độ.

- PLAND và Công ty TNHH Thanh Tùng sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng đặt cọc và PLAND thu hồi tiền đặt cọc trong tháng 4/2021.

d. Dự án Cửa hàng xăng dầu Phú Lộc-Phú Thọ:

Phương thức đầu tư: PLAND hợp tác với Công ty TNHH Thương mại vận tải và xây dựng Minh Cường thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh. Công ty Minh Cường góp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (1915m²), PLAND trực tiếp đầu tư toàn bộ phần còn lại và quản lý, điều hành kinh doanh cửa hàng xăng dầu. Thời hạn hợp tác 25 năm. PLAND phối hợp Công ty Minh Cường hoàn thành các thủ tục đầu tư của dự án. PLAND đã tạm ứng khoản thu nhập cố định cho Công ty Minh Cường là 5 tỷ đồng (chưa có VAT).

PLAND đã đầu tư các hạng mục và ghi nhận là TSCĐ 2.263 triệu đồng, công cụ dụng cụ 191 triệu đồng. Cửa hàng đi vào hoạt động từ tháng 09/2019. Sản lượng trung bình 24m³/tháng.

e. Dự án Cửa hàng xăng dầu Sơn Dương – Phú Thọ:

Phương thức đầu tư: PLAND hợp tác với Công ty TNHH Thương mại Hồng Nhung thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh. Công ty Hồng Nhung góp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (1255m²), PLAND trực tiếp đầu tư toàn bộ phần còn lại và quản lý, điều hành kinh doanh cửa hàng xăng dầu. Thời hạn hợp tác là 25 năm. PLAND và Công ty TNHH Thương mại Hồng Nhung đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 16/5/2019 và cả hai bên đã hoàn thành các thủ tục đầu tư của dự án. Cửa hàng đi vào hoạt động từ tháng 01/2020. Sản lượng trung bình 25m³/tháng.

f. Dự án Cửa hàng xăng dầu khác:

Ngoài các dự án đầu tư CHXD nêu trên, PLAND đã tiếp xúc với đối tác, xúc tiến cơ hội đầu tư tại các vị trí:

- Số 775 Giải Phóng – Hà Nội.

- Khu công nghiệp Tân Quang - Văn Lâm - Hưng Yên.
- Đường cao tốc La Sơn - Túy Loan (địa phận tỉnh Thừa Thiên Huế).
- Cửa hàng xăng dầu tại Trần Cao Vân - Đà Nẵng.
- Và một số vị trí khác.

Khi đủ điều kiện pháp lý và thống nhất phương thức hợp tác với đối tác, Tổng giám đốc sẽ trình HĐQT Công ty phê duyệt chủ trương đầu tư cụ thể từng dự án trước khi thực hiện đầu tư.

2.4. Cung cấp điện nước cho Data Center 775 Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội

- PLAND và PGCC ký Hợp đồng Khoán điện nước tiêu thụ vận hành Datacenter ngày 15/3/2019, thời hạn 05 năm.

- PLAND đã triển khai nâng cấp công suất trạm biến áp, lắp đặt máy phát điện dự phòng và hệ thống tủ điện – cáp điện hạ thế.

- Quản lý hệ thống điện nước và thanh toán tiền điện nước cho nhà cung cấp. Doanh thu năm 2020 là: 2,6 tỷ đồng.

- Đề nghị PGCC điều chỉnh nâng giá thuê khoán điện, nước, nhân công vận hành, an ninh 24/7 để phù hợp với chi phí thực tế mà Công ty đã phải chi trả.

2.5. Hoạt động kinh doanh thương mại:

Trong năm 2020, kinh doanh than trắng với đối tác Lào xuất đi Nhật doanh thu đạt 4,9 tỷ đồng, kinh doanh thiết bị xăng dầu phục vụ trong ngành doanh thu 3,5 tỷ đồng, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu 8,6 tỷ đồng.

2.6. Hoạt động của công ty con: Công ty CP tư vấn Công nghệ -Xây dựng Petrolimex:

Năm 2020 hoạt động kinh doanh có tăng trưởng, đạt lợi nhuận sau thuế là 1.273 triệu đồng

3. Công tác tài chính kế toán:

a. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	So sánh 2020/2019	
			Số tiền	Tỷ lệ %
1. Tài sản ngắn hạn	53.515	51.682	-1.833	97%
a. Tiền và các khoản tương đương tiền	30.216	19.385	-10.831	64%
b. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.000	1.500	500	150%
c. Phải thu ngắn hạn	13.732	20.386	6.654	148%
d. Hàng tồn kho	3.882	5.409	1.527	139%
e. Tài sản ngắn hạn khác	4.685	5.002	317	107%
2. Tài sản dài hạn	126.080	91.467	-34.613	73%
a. Phải thu dài hạn	2.252	2.209	-43	98%
b. Tài sản cố định	15.461	25.729	10.268	166%
c. Bất động sản đầu tư	27.307	26.096	-1.211	96%
d. Tài sản dài hạn dở dang	46.626	1.456	-45.170	3%
e. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.258	4.220	-38	99%

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	So sánh 2020/2019	
			Số tiền	Tỷ lệ %
f. Tài sản dài hạn khác	30.176	31.757	1.581	105%
3. Tổng tài sản	179.595	143.149	-36.446	80%
4. Tỷ lệ tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	30%	36%		121%
5. Tỷ lệ tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	70%	64%		91%

b. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 143,1 tỷ đồng, giảm 36,4 tỷ đồng so với năm 2019. Tổng tài sản biến động do giảm tài sản dài hạn 34,6 tỷ đồng: trong đó giảm đáng kể tài sản dài hạn dở dang, bất động sản đầu tư; tăng tài sản cố định, tài sản dài hạn khác

c. Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Năm 2019	Năm 2020
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,45	0,30
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,81	0,43

d. Khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán	Năm 2019	Năm 2020
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	0,68	1,23
Hệ số thanh toán nhanh	0,63	1,11

4. Công nợ:

- Năm 2020 công ty đã tập trung thu hồi công nợ nhưng chưa thu được các khoản công nợ khó đòi do một số khách hàng không có khả năng chi trả, đã dừng hoạt động, đóng mã số thuế, thậm chí có khách hàng không thể liên lạc được do bỏ trốn. Hiện công ty đang tiến hành thủ tục khởi kiện Công ty ODI để thu hồi công nợ.

5. Nhân sự:

Trong năm 2020, Công ty có sự thay đổi Tổng giám đốc và có sắp xếp lại nhân sự trong các phòng ban, bổ sung thêm nhân sự cho hoạt động kinh doanh tại cửa hàng xăng dầu.

6. Tồn tại và nguyên nhân:

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 công ty đạt lợi nhuận sau thuế là 1,2 tỷ đồng. Doanh thu chính của công ty là hoạt động cho thuê văn phòng và cửa hàng xăng dầu có giá trị không lớn, các dự án bất động sản đầu tư nhỏ, kinh doanh thương mại và kinh doanh cửa hàng xăng dầu còn hạn chế.

- Việc giải quyết các công nợ khó đòi còn nhiều khó khăn, tuy công ty đã làm thủ tục khởi kiện một số đối tác nhưng cũng phải mất thời gian lâu dài.

II. Phương hướng nhiệm vụ năm 2021 và các giải pháp thực hiện:

1. Mục tiêu, các giải pháp thực hiện kế hoạch:

Với tình hình hiện tại của doanh nghiệp, Công ty đề ra mục tiêu hoạt động trong năm 2021 là tập trung vào một số công việc như sau:

- Tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu để kinh doanh và để chuyển nhượng cho các đơn vị trong ngành;

- Xây dựng kế hoạch tài chính để đảm bảo nhu cầu về vốn đáp ứng cho hoạt động đầu tư cửa hàng xăng dầu;
- Đẩy mạnh kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại các cửa hàng xăng dầu, nguyên liệu, vật tư thiết bị xăng dầu và triển khai các lĩnh vực kinh doanh mới có hiệu quả: các dịch vụ kỹ thuật xăng dầu, điện năng lượng mặt trời... phục vụ cho các đơn vị trong ngành;
- Tiếp tục hoạt động kinh doanh thuê và cho thuê bất động sản, hợp tác đầu tư phân chia sản phẩm đã hoạt động từ các năm trước để đảm bảo doanh thu;
- Tiếp tục thúc đẩy thu hồi vốn tại dự án TDK, khởi kiện công ty TNHH Thành Đạt để thu hồi đất 06 Bạch Đằng – Đà Nẵng, giải thể công ty NALAND, khởi kiện THB và ODI để thu hồi vốn;
- Đối với dự án Khai thác tòa nhà 775 Giải Phóng và cung cấp điện cho Data center:
 - + Đề nghị Tổng Công ty PGCC điều chỉnh việc nâng giá thuê khoán điện, nước, nhân công vận hành, an ninh 24/7...từ thời điểm bắt đầu khoán điện cho đến hết thời hạn 5 năm của Hợp đồng;
 - + Hoàn thiện thủ tục pháp lý và đầu tư lắp đặt trang thiết bị về PCCC cho cả tòa nhà; Tiếp tục tìm kiếm khách hàng thuê các sản phẩm còn lại và có thể cải tạo lại kiến trúc cho phù hợp với yêu cầu của khách hàng hoặc công ty sẽ chuyển văn phòng làm việc về 775 Giải Phóng nhằm tiết giảm chi phí và cho thuê lại sản phẩm văn phòng công ty tại tầng 15 của A2 Ngọc Khánh để tăng doanh thu;
 - + Đầu tư cửa hàng xăng dầu tại 775 Giải Phóng.
- Bổ sung dịch vụ kiểm tra và phân tích kỹ thuật bao gồm: kiểm tra đường ống, bể chứa tại các kho xăng dầu; kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường để phục vụ cho các đơn vị trong ngành nhằm tạo thêm doanh thu, lợi nhuận cho công ty;
- Tiếp tục củng cố, hỗ trợ hoạt động của Công ty Tư vấn công nghệ xây dựng Petrolimex;
- Khuyến khích, tạo điều kiện để người lao động tự đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc.

2. Các chỉ tiêu tài chính năm 2021:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	KH 2021/TH 2020 (%)
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	49.533	54.664	110%
2. Doanh thu thuần hợp nhất		46.903	52.416	112%
3. Chi phí	Triệu đồng	48.088	52.427	109%
4. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Triệu đồng	1.445	2.237	155%
5. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Triệu đồng	1.201	1.927	160%
6. Tổng giá trị đầu tư	Triệu đồng	5.950	1.574	26%
7. Tỷ lệ chia cổ tức	%	0	0	0

3. Thuyết minh chi tiết kế hoạch năm 2021:

Hiện nay dịch covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến kéo dài trên thế giới và việc ảnh hưởng của nạn dịch này tiếp tục tác động nhiều đến nền kinh tế của Việt Nam, do đó năm 2021 sẽ là một

năm rất nhiều khó khăn, công ty chỉ dám đặt kế hoạch kinh doanh các mặt hàng ở mức vừa phải phù hợp với bối cảnh xã hội.

3.1. **Về kế hoạch doanh thu:** Năm 2021 tổng doanh thu kế hoạch là 54,6 tỷ đồng bằng 110% so với năm 2020, trong đó doanh thu thuần hàng hóa dịch vụ dự kiến là 52,4 tỷ đồng, kế hoạch thu chủ yếu từ:

- Cho thuê văn phòng và cửa hàng xăng dầu: 17 tỷ đồng; kinh doanh xăng dầu 15,4 tỷ đồng; hoạt động thương mại khác 6,4 tỷ đồng; doanh thu tài chính và thu nhập khác 2,2 tỷ đồng;
- Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế tại Công ty PTCC là 13,5 tỷ đồng

3.2. **Về chi phí năm 2021:** Chi phí duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến trong năm là 52 tỷ đồng bằng 109% so với thực hiện năm 2020. Chi phí chủ yếu gồm:

- Chi phí quản lý và bán hàng: 12,9 tỷ đồng
- Giá vốn: 39,1 tỷ đồng, bao gồm:
 - + Kinh doanh xăng dầu, kinh doanh thương mại: 20,6 tỷ đồng
 - + Cho thuê văn phòng, dịch vụ, thiết bị và cửa hàng xăng dầu: 9,9 tỷ đồng
 - + Tư vấn xây dựng: 8,5 tỷ đồng
 - + Chi phí tài chính: 187 triệu đồng

3.3. **Về đầu tư hạ tầng xăng dầu:** Dự kiến tổng giá trị đầu tư 1.574 triệu đồng là khoản đầu tư vào 02 cửa hàng xăng dầu theo từng mốc thời gian trong kỳ

3.4. Về lợi nhuận năm 2021: Lợi nhuận hợp nhất sau thuế dự kiến là 1.927 triệu đồng.

3.5. Về lao động và quỹ lương năm 2021: Nhân sự và quỹ lương năm 2021 có tăng so với năm 2020 để ổn định đảm bảo đời sống của CBCNV và tình hình triển khai các công việc trong thời gian tới.

Thực hiện kế hoạch trên là rất thách thức và khó khăn, đòi hỏi nhiều nỗ lực, cố gắng rất lớn của tập thể CBCNV Công ty, trên cơ sở đó đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế.

Trên đây là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và định hướng kế hoạch năm 2021 của Công ty. Ban điều hành Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm các giải pháp để ổn định hoạt động của doanh nghiệp, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS;
- Ban TGD
- Lữ VT





Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính thưa các Quý vị cổ đông!

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) tôi xin trân trọng báo cáo toàn thể Quý vị cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Thực hiện các nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền:

Hội đồng quản trị đã chủ động triển khai thực hiện những nội dung đã được ĐHĐCĐ ủy quyền theo đúng chức trách quy định tại Điều lệ Công ty và tuân thủ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên, phân tích tình hình hoạt động của công ty để xác định mục tiêu kế hoạch trình ĐHĐCĐ phê duyệt và chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc tổ chức thực hiện;
- Thông qua việc thôi bổ nhiệm Tổng giám đốc và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới;
- Thông qua việc bổ nhiệm Thư ký công ty;
- Quyết định thay đổi người đại diện Công ty theo pháp luật;
- Thông qua chủ trương đồng ý giải thể Công ty cổ phần Bất động sản Nghệ An (NALAND);
- Thông qua việc đề cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bất động sản Nghệ An (NALAND) nhiệm kỳ 2020 cho đến khi giải thể công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu nhiệm kỳ 2020-2025
- Thông qua chủ trương bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh điện mặt trời.

2. Về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

Trong năm 2020 HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định theo thẩm quyền; đã triệu tập, tổ chức 11 cuộc họp HĐQT (trực tiếp và qua thư điện tử), ban hành 08 nghị quyết, 06 quyết định. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và vì lợi ích hợp pháp của Công ty, quyết định các nội dung theo đúng thẩm quyền, đúng thủ tục.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị tập trung nghiên cứu, phân tích tình hình hoạt động của Công ty, đóng góp ý kiến với Ban điều hành trong việc triển khai các công việc theo nghị quyết ĐHĐCĐ và chủ trương của HĐQT Công ty.

3. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:

Hội đồng quản trị kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành Công ty.

Ban điều hành nỗ lực trong việc phát triển sản xuất kinh doanh; Ổn định tổ chức tạo nhiều kết quả khả quan trong sản xuất và điều hành doanh nghiệp.

Về kết quả hoạt động hợp nhất của công ty PLAND: Năm 2020 lợi nhuận sau thuế đạt 1.201 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 59,7% so với kế hoạch năm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài như: khách thuê văn phòng ít, tại A2 Ngọc Khánh một số khách thuê xin gia hạn, hỗ trợ giảm giá 15% tiền thuê văn phòng trong 03 tháng; Sản lượng kinh doanh xăng dầu thấp, chiết khấu xăng dầu giảm; Chi phí tiền điện, nhân công, chi phí khấu hao tài sản phục vụ cho việc cung cấp điện hệ thống data center cao do có quyết định của Bộ Công thương về điều chỉnh mức giá bán điện ngày 20/03/2019 trong khi Công ty chưa ký được phụ lục điều chỉnh tăng giá Hợp đồng khoán điện nước với Tổng Công ty PGCC: chi phí này đã không thể hạch toán được trong năm 2020, dẫn đến việc làm giảm 17% thực hiện chỉ tiêu so với kế hoạch đã đề ra; Thủ tục đầu tư các cửa hàng xăng dầu kéo dài, chưa đưa được các cửa hàng xăng dầu vào khai thác.

PHẦN THỨ HAI

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 sẽ tập trung các công việc chính, cụ thể:

- Tập trung phát triển dịch vụ hạ tầng xăng dầu, đầu tư và tham gia đầu tư, kinh doanh cửa hàng xăng dầu nhằm hoạt động kinh doanh được ổn định và phát triển;
- Tiếp tục phát triển mạnh thương mại và các lĩnh vực có lợi thế trong ngành kinh doanh của công ty;
- Tiếp tục chỉ đạo thoái vốn và thanh lý các dự án còn tồn tại tại TDK, các dự án kém hiệu quả còn tồn đọng khác;
- Tiếp tục chỉ đạo công tác thu hồi công nợ tồn đọng;
- Đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế;
- Đối với hoạt động của các công ty con, công ty liên kết: Tăng cường giám sát, hỗ trợ hoạt động của các công ty con để đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư; Theo dõi và chỉ đạo việc giải thể Công ty NALAND được nhanh chóng để thu hồi vốn.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý, chỉ đạo Công ty năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021.

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị xin được gửi tới toàn thể Quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc, thịnh vượng, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.


Trương Hùng Sơn

Hà nội, ngày 14 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD, HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TGD
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính thưa: Quý vị cổ đông, quý vị đại biểu.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra giám sát quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và dịch vụ hạ tầng xăng dầu (Công ty); Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát báo cáo ĐHĐCĐ kết quả kiểm tra giám sát và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Ban kiểm soát hoạt động với 3 thành viên, trong đó có một thành viên chuyên trách. Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành của công ty. Nội dung hoạt động của Ban như sau:

- Kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ thận trọng trong việc ban hành Nghị quyết, chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty;
- Đánh giá tình hình hoạt động SXKD, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị tại Công ty mẹ, Công ty con; định kỳ 6 tháng, năm thực hiện thẩm định báo cáo tài chính và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh;
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ và thực hiện các chế độ kế toán, kiểm toán, thu nộp ngân sách nhà nước, chính sách chế độ đối với người lao động;
- Tham gia và có ý kiến với HĐQT, Tổng Giám đốc về xây dựng kế hoạch, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; sửa đổi, bổ sung và ban hành mới quy chế quy định quản lý nội bộ theo quy định của pháp luật.

2. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Năm 2021 Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các hoạt động chính sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT công ty;
- Giám sát việc xây dựng kế hoạch, giao và tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD tại công ty và công ty con;

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT để có ý kiến tham gia, góp ý kịp thời trong phạm vi, quyền hạn của Ban kiểm soát;
- Tham gia các cuộc họp quan trọng của Ban giám đốc để nắm bắt kịp thời công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD của công ty;
- Tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHCĐ thông qua;
- Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ;
- Lập báo cáo kiểm soát hoạt động công ty định kỳ đúng quy định.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

1. Thẩm định báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam; Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu với các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các nội dung Thuyết minh báo cáo cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Một số chỉ tiêu cơ bản báo trong báo cáo tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
I	Tổng tài sản		131.299	143.149
1	Tài sản ngắn hạn	Tr đồng	38.890	51.682
2	Tài sản dài hạn	Tr đồng	92.409	91.467
II	Tổng nguồn vốn		131.299	143.149
1	Nợ phải trả	Tr đồng	34.426	42.728
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tr đồng	96.873	100.421
III	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,16	1,23
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,13	1,11
IV	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ / Tổng tài sản	Lần	0,26	0,30
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,36	0,43
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	Lần	0,30	0,36
4	Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,36	1,43
V	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
1	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	248	1.201
2	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu)	%	0,26%	1,20%
3	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản)	%	0,19%	0,84%
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	25	73

NOI
CÔ
CÔ
AU T
H/
X
ÔNG

2. Kết quả triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT

- Về chỉ tiêu tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh thực hiện năm 2020 với	
					Năm 2019	Kế hoạch 2020
1	Tổng Doanh thu, thu nhập	43.505	51.075	49.533	113,9%	97,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	2.228	2.225	1.445	64,9%	64,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.983	2.012	1.201	60,6%	59,7%
4	Tỷ suất LNST/VCSH	1,99%	2,01%	1,21%	60,8%	60,2%
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	1,98%	2,01%	1,20%	60,6%	59,7%
6	Tỷ lệ trả cổ tức	0	0	0		

- Nguồn doanh thu trong năm chủ yếu từ hoạt động cho thuê bất động sản tại dự án 549 Nguyễn Văn Cừ, dự án A2 Ngọc Khánh và hoạt động tư vấn thiết kế tại công ty con, và một phần từ hoạt động kinh doanh thương mại. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 1.201 triệu đồng, trong đó lợi nhuận tại Công ty mẹ 248 triệu đồng.

Kết quả kinh doanh của công ty thấp, không đạt kế hoạch do ảnh hưởng của dịch covid: công ty chưa khai thác được toàn bộ mặt bằng tại 775 Giải Phóng, khách thuê văn phòng ít, một số khách thuê tại A2 Ngọc Khánh xin gia hạn, hỗ trợ giảm giá 15% tiền thuê văn phòng trong 3 tháng; sản lượng kinh doanh xăng dầu thấp, chiết khấu xăng dầu giảm; chi phí tiền điện, nhân công, chi phí khấu hao tài sản phục vụ cho việc cung cấp điện hệ thống data center cao trong khi công ty chưa ký được phụ lục điều chỉnh tăng giá Hợp đồng khoán điện nước với Tổng công ty PGCC; thủ tục đầu tư CHXD kéo dài dẫn đến chậm đưa CHXD vào khai thác.

- Tình hình công nợ: Tổng số công nợ phải thu khó đòi là 7.066 trđ. Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng quy định. Trong năm công ty đã tích cực triển khai các biện pháp thu hồi công nợ nhưng chưa thu được các khoản công nợ khó đòi. Tháng 12/2020 công ty đã gửi đơn kiện đối tác ra Tòa án để thu hồi công nợ.

- Về đầu tư tài chính dài hạn: Công ty đã đầu tư 1.917 trđ, sở hữu 63% vốn điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ xây dựng Petrolimex. Trong năm 2020 công ty Tư vấn đã trả cổ tức 15%.

Đối với công ty liên kết – Công ty cổ phần Bất động sản Nghệ An (NALAND): ĐHĐCĐ công ty NALAND đã có Nghị quyết giải thể công ty, hoàn trả vốn góp cho các cổ đông. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính 525 trđ. Công ty sẽ điều chỉnh giảm khoản đầu tư tài chính dài hạn sau khi NALAND hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 4/2021.

- Về đầu tư xây dựng cơ bản:

HĐQT công ty đã có Nghị quyết về việc thoái vốn Dự án TDK Mê Linh. Công ty đã ký phụ lục hợp đồng về việc thoái vốn hợp tác đầu tư tại dự án TDK. Công ty TDK đã hoàn trả một phần số tiền gốc và chi phí bù đắp động vốn. Hai bên đã ký phụ lục gia hạn thời gian hoàn trả vốn gốc và lãi trả chậm đến 30/6/2021.

Đến thời điểm 31/12/2020 chi phí đầu tư XD CB giảm do công ty điều chỉnh giảm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dự án TDK sang khoản phải thu khác, ghi nhận tăng tài sản cố định tại 775 Giải Phóng.

- Về đầu tư tài sản cố định: Trong năm công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định tại 775 Giải Phóng và cửa hàng xăng dầu Cao Xá.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành

- Hội đồng quản trị:

Năm 2020 Đại hội đồng cổ đông công ty đã bầu Hội đồng quản trị mới nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 07 thành viên, trong đó có 02 thành viên miễn nhiệm và 02 thành viên mới thay thế. HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành Nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Nghị quyết của HĐQT ban hành có sự thống nhất cao bảo đảm đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và bảo đảm lợi ích của công ty, cổ đông. Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết về việc Ông Trương Hùng Sơn - chủ tịch HĐQT thôi giữ chức Tổng giám đốc công ty và bổ nhiệm ông Nguyễn Trung Kiên giữ chức Tổng giám đốc công ty kể từ ngày 16/7/2020. Hội đồng quản trị mới đã ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 và phân công nhiệm vụ của thành viên HĐQT. HĐQT đã giao Tổng giám đốc tập trung nhiệm vụ chính là đầu tư hạ tầng xăng dầu, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến ngành xăng dầu, thực hiện chủ trương giải thể công ty cổ phần Bất động sản Nghệ An, đồng ý bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh điện mặt trời.

- Ban điều hành

Trong năm công ty có sự thay đổi ban điều hành. Ban điều hành đã tổ chức triển khai và chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết HĐQT; thực hiện các giải pháp thu hồi công nợ, xử lý các vấn đề tồn tại phát sinh tại các dự án, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án cây xăng, sắp xếp lại lao động phù hợp với định hướng hoạt động.

4. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc

Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty. Sự phối hợp này luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế của công ty và vì lợi ích chung của công ty.

Thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban của công ty và đưa ra những ý kiến đóng góp với HĐQT, Ban giám đốc trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để bảo đảm an toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, Ban kiểm soát kiến nghị:

- Thực hiện quyết toán giá trị đầu tư tại dự án 549 Nguyễn Văn Cừ để ghi nhận tài sản;
- Đánh giá lại các dự án đã đầu tư để quyết định tiếp tục đầu tư hoặc thu hồi vốn;
- Đánh giá phân tích tình hình công nợ phải thu, công nợ khó đòi qua đó cần có các giải pháp quyết liệt thu hồi công nợ khó đòi;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, ổn định kinh doanh;
- Xây dựng các quy chế để quản trị hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Trên đây là những nội dung Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD Pland
- Các cổ đông
- Lưu VT, BKS

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Vũ Thị Thúy Diệp





Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính thưa: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14, thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Điều lệ Công ty Đầu tư và dịch vụ hạ tầng xăng dầu thông qua ngày 09/04/2019;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty niêm yết năm 2021.
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam; có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và kinh nghiệm.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Căn cứ các tiêu thức nêu trên Ban kiểm soát đề xuất danh sách các công ty kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Tổng giám đốc công ty lựa chọn, ký Hợp đồng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 với một trong các công ty kiểm toán sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Vũ Thị Thúy Diệp



Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: **ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu**

I. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu;
- Căn cứ Nghị quyết số 03/PLAND-NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua ngày 11/06/2020;
- Căn cứ Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2020 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam ;
- Căn cứ kết quả SXKD thực hiện năm 2020.

II. Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm

TT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020	1.201.286.300	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của cổ đông công ty mẹ	730.427.395	
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2020	-16.191.543.034	
4	Chia cổ tức	0	
5	Trích lập các quỹ	0	

Kính trình ĐHĐCĐ Công ty thông qua.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu HĐQT, VT.



Trương Hùng Sơn

Hà Nội, Ngày 14 tháng 4 năm 2021



BÁO CÁO

Về việc quyết toán QTL, thù lao của các thành viên HĐQT
và thù lao của các thành viên Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;
Căn cứ Nghị quyết số 03/PLAND-NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu thông qua ngày 11/06/2020 về phương án chi trả quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT và thù lao của BKS năm 2020;

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ Công ty thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với của các thành viên HĐQT, thù lao của các thành viên BKS năm 2020 như sau:

1. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được ĐHĐCĐ Công ty thông qua ngày 11/06/2020. Theo đó, Quỹ thù lao của HĐQT năm 2020 là: **260.999.200 đồng**.
2. Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy chế tiền lương và phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 11/06/2020. Theo đó tổng quỹ thù lao và tiền lương của Ban kiểm soát năm 2020 là: **310.089.120 đồng**.

(Theo phụ biểu 01-M06 đính kèm)

Kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua./.



TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PETROLIMEX**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU****Phu biểu 01- M06***Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2021***BÁO CÁO QUYẾT TOÁN QŨY TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG
CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2020*****(Kèm theo BC ngày 14/04/2021 của HĐQT Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu)*****A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2020**

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện: 1.201 Triệu đồng.
- Vốn chủ sở hữu : 100.422 Triệu đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân: 1,21%

B. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020

TT	Họ tên	Chức danh	Mức lương/thù lao cơ bản	Mức lương/thù lao thực hiện	Số tháng được hưởng	Tiền lương, thù lao thực hiện	Tiền thưởng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)	(8)	(9)
I	Thù lao Hội Đồng Quản Trị					260.999.200		
1	Trương Hùng Sơn	Chủ tịch HĐQT	6.688.000	5.350.400	12	64.204.800		
2	Trần Anh Tuấn	TV HĐQT	4.598.000	3.678.400	12	44.140.800		
3	Lê Minh Quốc	TV HĐQT	4.598.000	3.678.400	5,5	20.231.200		
4	Vũ Đức Tiến	TV HĐQT	4.598.000	3.678.400	12	44.140.800		
5	Nguyễn Quang Vinh	TV HĐQT	4.598.000	3.678.400	5,5	20.231.200		
6	Nguyễn Văn Lộc	TV HĐQT	4.598.000	3.678.400	12	44.140.800		
7	Phùng Ngọc Quang	TV HĐQT	4.598.000	3.678.400	6,5	23.909.600		
II	Thù lao Ban Kiểm soát					61.797.120		
1	Trần Sỹ Tiến	TV BKS	3.218.600	2.574.880	5,5	14.161.840		
2	Nguyễn Mạnh Hà	TV BKS	3.218.600	2.574.880	5,5	14.161.840		
3	Trần Thị Hương	TV BKS	3.218.600	2.574.880	6,5	16.736.720		
4	Đỗ Dương Thông	TV BKS	3.218.600	2.574.880	6,5	16.736.720		
III	Tiền lương Ban Kiểm soát					248.292.000		
1	Vũ Thị Thúy Diệp	Trưởng BKS	22.990.000	20.691.000	12	248.292.000		
IV	Tiền lương BDH, trưởng P. TCKT					622.987.200		
1	Trương Hùng Sơn	Tổng giám đốc	30.096.000	3.009.600	6	18.057.600		PC kiêm nhiệm
2	Nguyễn Trung Kiên	Tổng giám đốc	30.096.000	27.086.400	6	162.518.400		
3	Phạm Lê Anh	Phó Tổng GD	22.990.000	20.691.000	12	248.292.000		
4	Vũ Phương Nhung	Trưởng P.TCKT	17.974.000	16.176.600	12	194.119.200		

**Trương Hùng Sơn**

Hà Nội, Ngày 14 tháng 04 năm 2021



TỜ TRÌNH

Về phương án chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên HĐQT
Kiểm soát viên, Ban điều hành năm 2021
Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua ngày 09/04/2019;

Căn cứ quy định về tiền lương của Nhà nước và doanh nghiệp;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ Công ty phương án chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát năm 2021:

1. Tiền lương TV HĐQT, Kiểm soát viên chuyên trách, Ban điều hành: Hưởng theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty;

2. Thù lao của các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên kiêm nhiệm chi trả như sau:

TT	Đối tượng hưởng thù lao	Mức thù lao tối đa	Ghi chú
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm	Bằng 20% tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách	
2	Ủy viên Hội đồng quản trị	Bằng 20% tiền lương Phó TGD	
3	Kiểm soát viên	Bằng 14% tiền lương Phó TGD	

Kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trương Hùng Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
Số: 11 /PLAND-TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày 14 tháng 04 năm 2021



TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của
Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu kính trình ĐHĐCĐ Công ty về việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu theo quy định mới của pháp luật hiện hành (đính kèm nội dung bản sửa đổi và giải trình các mục sửa đổi)

Kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua.



Trương Hùng Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
Số: 12 /PLAND-TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày 14 tháng 04 năm 2021



TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu kính trình ĐHĐCĐ Công ty về việc: Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu theo quy định mới của pháp luật hiện hành (đính kèm nội dung bản sửa đổi và giải trình các mục sửa đổi).

Kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua.



Trương Hùng Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
Số: **13**/PLAND-TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày 14 tháng 04 năm 2021



TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

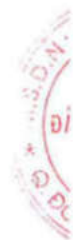
Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu kính trình ĐHĐCĐ Công ty về việc Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định mới của pháp luật hiện hành (đính kèm nội dung);

Kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua.



Trương Hùng Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/7/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0101788806 thay đổi lần thứ 10 ngày 22/07/2020 là 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng)

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Petroleum Logistic Service And Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn Upcom với mã giao dịch là: PLA.

Trụ sở chính của Công ty: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Văn phòng giao dịch: Tầng 15, tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 01 Phạm Huy Thông, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Hùng Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Ngô Minh Sơn	Thành viên	
Ông Lê Minh Quốc	Thành viên	Miễn nhiệm từ 11/06/2020
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	Miễn nhiệm từ 11/06/2020
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm từ 11/06/2020
Ông Phùng Ngọc Quang	Thành viên	Bổ nhiệm từ 11/06/2020

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thúy Diệp	Trưởng BKS	
Ông Trần Sỹ Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm từ 11/06/2020
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm từ 11/06/2020
Bà Trần Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm từ 11/06/2020
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên	Bổ nhiệm từ 11/06/2020

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Hùng Sơn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/7/2020
Ông Nguyễn Trung Kiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/07/2020
Ông Phạm Lê Anh	Phó Tổng Giám đốc	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM- Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Kiên

Nguyễn Trung Kiên

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Số: 110/2021/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020

của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu

Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu, được lập ngày 19 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



A blue ink signature, likely belonging to Lưu Anh Tuấn, the auditor.

Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Lưu Anh Tuấn**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		51.681.824.160	53.515.373.639
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.384.815.250	30.216.197.942
1. Tiền	111		3.114.815.250	4.583.446.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.270.000.000	25.632.751.354
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.500.000.000	1.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.500.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.385.974.640	13.732.406.439
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	7.318.205.903	3.416.055.278
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	7.790.355.455	10.583.094.015
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	12.343.259.734	6.799.103.598
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(7.065.846.452)	(7.065.846.452)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	5.409.328.354	3.882.044.453
1. Hàng tồn kho	141		5.409.328.354	3.882.044.453
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.001.705.916	4.684.724.805
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	318.853.247	436.777.104
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.477.318.769	4.042.413.801
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	205.533.900	205.533.900
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		91.467.654.188	126.079.928.222
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.208.890.000	2.252.500.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	2.208.890.000	2.252.500.000
II. Tài sản cố định	220		25.729.620.667	15.460.717.418
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	25.608.086.240	15.370.296.870
- Nguyên giá	222		31.301.485.538	19.341.526.589
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.693.399.298)	(3.971.229.719)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	121.534.427	90.420.548
- Nguyên giá	228		135.440.000	94.160.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.905.573)	(3.739.452)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	26.096.102.554	27.306.889.726
1. Nguyên giá	231		29.749.488.918	29.749.488.918
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.653.386.364)	(2.442.599.192)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.12	1.455.940.239	46.625.871.101
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.455.940.239	46.625.871.101
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	4.219.634.879	4.257.799.720
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.219.634.879	4.257.799.720
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.757.465.849	30.176.150.257
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	31.757.465.849	30.176.150.257
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		143.149.478.348	179.595.301.861

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 01- DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		42.727.758.035	80.099.717.848
I. Nợ ngắn hạn	310		41.863.683.011	78.731.359.872
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.322.199.173	7.341.211.593
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	9.619.534.225	11.056.895.921
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	532.705.705	578.967.558
4. Phải trả người lao động	314		1.411.780.375	1.543.966.104
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	23.821.155.988	26.095.231.742
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	5.053.931.361	31.986.100.770
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		102.376.184	128.986.184
II. Nợ dài hạn	330		864.075.024	1.368.357.976
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	511.915.920
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	759.000.000	759.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		105.075.024	97.442.056
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		100.421.720.313	99.495.584.013
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	100.421.720.313	99.495.584.013
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.739.309.410	12.739.309.410
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.468.525.328	1.376.525.328
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(16.191.543.034)	(16.554.820.429)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(16.921.970.429)	(18.196.920.448)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		730.427.395	1.642.100.019
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.405.428.609	1.934.569.704
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		143.149.478.348	179.595.301.861

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Kiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	46.954.982.850	39.312.468.648
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		52.269.175	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	46.902.713.675	39.312.468.648
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	34.264.515.862	30.005.107.892
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		12.638.197.813	9.307.360.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	2.668.720.498	3.143.354.729
7. Chi phí tài chính	22	5.22	21.499.254	(4.272.685)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(38.164.841)	23.863.763
10. Chi phí bán hàng	25	5.23	3.639.323.631	317.386.089
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	9.993.996.340	9.821.381.945
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)}	30		1.613.934.245	2.340.083.899
13. Thu nhập khác	31	5.24	-	1.026.060.522
14. Chi phí khác	32	5.24	168.884.321	1.137.705.127
15. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(168.884.321)	(111.644.605)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.445.049.924	2.228.439.294
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	236.130.656	250.384.968
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		7.632.968	(4.772.753)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.201.286.300	1.982.827.078
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông của Công ty mẹ	61		730.427.395	1.642.100.019
21. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		470.858.905	340.727.060
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	73,04	164,21

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Toàn

Vũ Phương Nhung

Nguyễn Trung Kiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.445.049.924	2.228.439.294
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.943.122.872	1.729.615.613
- Các khoản dự phòng	03	38.164.841	(2.248.283.759)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.668.720.498)	(3.167.218.492)
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(96.000.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.757.617.139	(1.553.447.344)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.120.062.169)	(3.297.291.863)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.527.283.901)	5.473.292.819
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	7.778.069.612	33.479.008.570
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.886.154.865)	(8.848.443.674)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(271.904.923)	(292.942.425)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(6.649.783.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.269.719.107)	18.310.392.262
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.859.084.083)	(11.650.787.041)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	99.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	(1.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.980.570.498	3.143.354.729
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.378.513.585)	(9.408.432.312)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(183.150.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(183.150.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(10.831.382.692)	8.901.959.950
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.216.197.942	21.314.237.992
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	19.384.815.250	30.216.197.942

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc




Nguyễn Trung Kiên

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/7/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0101788806 thay đổi lần thứ 10 ngày 22/07/2020 là 100 tỷ đồng (*Một trăm tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Petroleum Logistic Service And Invesment Joint Stock Company. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn Upcom với mã giao dịch là: PLA.

Trụ sở chính của Công ty: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Văn phòng giao dịch: Tầng 15, tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 01 Phạm Huy Thông, Ba Đình, Hà Nội.

Tổng số nhân viên đang làm việc tại Công ty tại ngày 31/12/2020 là 57 người (tại ngày 31/12/2019 là 52 người).

1.1. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh và cho thuê bất động sản, văn phòng làm việc, căn hộ, nhà ở, khách sạn, nhà hàng, kiốt, trung tâm thương mại, siêu thị; thuê, cho thuê đất, kho tàng, bến bãi, nhà xưởng, hội nghị, hội trường, nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hoà nhạc, nhà hát, trường quay, rạp chiếu phim); kinh doanh và cho thuê các cơ sở hạ tầng xăng dầu (cửa hàng, kho chứa, đường ống, cảng tiếp nhận), kinh doanh khu du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn, môi giới, định giá, quản lý bất động sản và các dịch vụ về nhà đất; các dịch vụ cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
- ...

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2020: Kinh doanh bất động sản, cho thuê bất động sản, cho thuê quyền sử dụng đất, xây lắp, tư vấn và kiểm định xây dựng, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Công ty con	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP TV Công nghệ - XD Petrolimex	Số 1 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP Hà Nội	3.300.000.000	63,0%	Tư vấn thiết kế

Công ty liên kết	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP BĐS Nghệ An	Xóm 14 xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	10.000.000.000	47,45%	Kinh doanh BĐS

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý cửa hàng xăng dầu Egas có thời gian khấu hao: 08 năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Giá trị tòa nhà văn phòng số 01 Phạm Huy Thông do Pland làm chủ sở hữu tương ứng với phần diện tích Công ty đang cho thuê.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian sử dụng hữu ích của công cụ, dụng cụ nhưng không quá 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Tiền thuê đã trả 1 lần từ khi nhận bàn giao tài sản thuê tại 187 Đường Hùng Vương, Thành phố Huế (2.120 m²) trong thời gian 144 tháng theo Hợp đồng số 454/HĐTTS ngày 21/8/2018.
- Tiền thuê đã trả 1 lần từ khi nhận bàn giao tài sản thuê tại 61 Nguyễn Văn Cừ (1.400m²), phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng trong 240 tháng theo Hợp đồng 06/HĐTTS ngày 27/8/2018.
- Chi phí trả trước theo Hợp đồng HTKD 07/HTKD/SHPT - Pland ngày 10/06/2019 tại Cao Xá – Phú Thọ, thời hạn thuê 20 năm;
- Chi phí trả trước theo Hợp đồng HTKD 07/HTKD ngày 16/05/2019 tại Phú Lộc – Phú Thọ, thời hạn thuê 25 năm;
- Chi phí trả trước theo Hợp đồng HTKD số 08/HTKD ngày 16/05/2019 tại Sơn Dương – Phú Thọ, thời hạn thuê 25 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

Đối với doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế khác

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh và một khu vực địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	65.973.548	180.074.403
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.048.841.702	4.403.372.185
Các khoản tương đương tiền (*)	16.270.000.000	25.632.751.354
Tổng	19.384.815.250	30.216.197.942

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,1% - 5%

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng	1.500.000.000	1.500.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn				
	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư vào công ty liên kết	4.745.010.000	4.219.634.879	4.745.010.000	4.257.799.720
Công ty CP Bất động sản Nghệ An	4.745.010.000	4.219.634.879	4.745.010.000	4.257.799.720
Tổng	4.745.010.000	4.219.634.879	4.745.010.000	4.257.799.720

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.3 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.318.205.903	3.416.055.278
Công ty CP- Tổng Công ty Xây lắp và TM	3.503.123.913	563.640.000
Petrolimex		
Công ty TNHH GK Logistics Việt Nam	477.937.260	-
Công ty TNHH TM DV & sx Athena	1.897.556.452	1.897.556.452
Đối tượng khác	1.439.588.278	954.858.826
Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan	3.588.923.913	563.640.000
<i>Chi tiết trình bày tại Thuyết minh 6.1- Thông tin các bên liên quan</i>		
Tổng	7.318.205.903	3.416.055.278

5.4 Trả trước người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	7.790.355.455	10.583.094.015
Công ty CP TVXD và Môi trường Ngũ Giác	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty CP đầu tư phát triển văn phòng	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	1.616.093.935	1.616.093.935
Western Engineering Technologies PTE LTD	-	1.945.444.000
Đối tượng khác	874.261.520	1.721.556.080
Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan		68.506.000
<i>Chi tiết trình bày tại Thuyết minh 6.1- Thông tin các bên liên quan</i>		
Tổng	7.790.355.455	10.583.094.015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.5 Các khoản phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	12.343.259.734	1.168.290.000	6.799.103.598	1.168.290.000
Công ty CP Đầu tư W29	868.290.000	868.290.000	868.290.000	868.290.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD & KD BĐS Atis VN	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển TDK (*)	6.300.000.000	-	-	-
Tạm ứng	3.733.481.632	-	4.987.587.843	-
Phải thu khác	1.141.488.102	-	643.225.755	-
b) Dài hạn	2.208.890.000	-	2.252.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.208.890.000	-	2.252.500.000	-
Công ty CP - TCT Xây lắp và Thương mại Petrolimex (**)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Bảo lãnh ngân hàng thực hiện hợp đồng	208.890.000	-	252.500.000	-
Trong đó phải thu khác dài hạn là các bên liên quan	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
<i>Chi tiết trình bày tại Thuyết minh 6.1- Thông tin các bên liên quan</i>				
Tổng	14.552.149.734	1.168.290.000	9.051.603.598	1.168.290.000

(*) Đây là giá trị vốn góp Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển TDK còn phải hoàn trả theo phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/TĐK - PLAND/2020 ngày 13/10/2020.

(**) Tiền đặt cọc để đảm bảo các nội dung của Hợp đồng số 01/2019/HĐCTTS/PGCC - PLAND ngày 24/04/2019.

5.6 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi (*)	7.265.846.452	200.000.000	7.265.846.452	200.000.000
Trong đó:	Quá hạn 6 tháng-1 năm	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH TMDV & SX Athena				1.897.556.452
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD & KD BĐS Atis VN				300.000.000
Công ty CP Đầu tư W29				868.290.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Văn phòng				4.000.000.000
Tổng	-	-	-	7.065.846.452

(*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	2.560.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.708.345.886	-	3.509.977.346	-
Hàng hóa	698.422.468	-	372.067.107	-
Tổng	5.409.328.354	-	3.882.044.453	-

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	318.853.247	436.777.104
Công cụ, dụng cụ	318.853.247	436.777.104
b) Dài hạn	31.757.465.849	30.176.150.257
Chi phí, Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	541.885.383	769.213.731
Chi phí hợp tác kinh doanh [1]	14.307.398.663	10.753.300.171
Chi phí thuê cửa hàng xăng dầu Huế và Đà Nẵng [2]	16.908.181.803	18.653.636.355
Tổng	32.076.319.096	30.612.927.361

[1] Hợp đồng HTKD 07/HTKD/SHPT - Pland ngày 10/06/2019 tại Cao Xá - Phú Thọ, thời hạn thuê 20 năm; Hợp đồng HTKD 07/HTKD ngày 16/05/2019 tại Phú Lộc - Phú Thọ, thời hạn thuê 25 năm; Hợp đồng HTKD số 08/HTKD ngày 16/05/2019 tại Sơn Dương - Phú Thọ, thời hạn thuê 25 năm.

[2] Hợp đồng số 454/HĐTTS ngày 21/8/2018 về việc cho thuê tài sản, thiết bị, cửa hàng xăng dầu tại 187 Hùng Vương, thành phố Huế, thời hạn thuê 144 tháng và Hợp đồng 06/HĐTTS ngày 27/8/2018 về việc cho thuê tài sản, thiết bị, cửa hàng xăng dầu số 61 Nguyễn Văn Cừ, thành phố Đà Nẵng, thời hạn thuê 240 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.10 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	94.160.000	94.160.000
Tăng trong năm	41.280.000	41.280.000
Mua trong năm	41.280.000	41.280.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	135.440.000	135.440.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	3.739.452	3.739.452
Tăng trong năm	10.166.121	10.166.121
Khấu hao trong năm	10.166.121	10.166.121
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	13.905.573	13.905.573
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2020	90.420.548	90.420.548
Số dư tại 31/12/2020	121.534.427	121.534.427

5.11 Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

	Sàn văn phòng số 01 Phạm Huy Thông	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	29.749.488.918	29.749.488.918
Tăng trong năm	-	-
Xây dựng hoàn thành	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	29.749.488.918	29.749.488.918
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	2.442.599.192	2.442.599.192
Tăng trong năm	1.210.787.172	1.210.787.172
Khấu hao trong năm	1.210.787.172	1.210.787.172
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	3.653.386.364	3.653.386.364
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2020	27.306.889.726	27.306.889.726
Số dư tại 31/12/2020	26.096.102.554	26.096.102.554

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án khu thương mại Nguyễn Văn Cừ	-	1.279.789.809
Dự án tòa nhà TDK-Petrolimex (*)	-	38.949.147.189
Dự án Quán Bính Hà Tĩnh	141.317.772	141.317.772
Dự án cửa hàng xăng dầu Dĩ An	551.668.075	431.369.884
Dự án phục vụ máy chủ DATA Center 775 Giải Phóng	-	5.174.200.446
Dự án lắp đặt hệ thống wifi internet miễn phí	145.791.812	39.988.851
Dự án của hàng xăng dầu Xứ đồng, gốc gạo	254.337.514	254.337.514
Dự án CHXD Tân Quang - Kiều kỵ	16.769.000	-
Dự án lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời	49.390.818	-
Dự án khai thác cho thuê văn phòng 775 Giải phóng	92.536.546	-
Dự án CHXD 775 Giải Phóng	204.128.702	-
Dự án CHXD Cao Xá - Phú Thọ		355.719.636
Tổng	1.455.940.239	46.625.871.101

(*): Hợp tác đầu tư dự án Khu nhà ở và văn phòng cho thuê TDK tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDK theo Hợp đồng hợp tác số 01/TDK-PLAND/2019 ngày 05/10/2009. Công ty đã thống nhất thoái vốn khỏi dự án theo Nghị Quyết số 22/PLAND – NQ – HĐQT ngày 3/10/2018. Theo phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/TDK – PLAND/2019 ngày 27/03/2019 và phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/TDK – PLAND/2020 ngày 13/10/2020, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển TDK và Công ty Cổ phần đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu thống nhất thoái vốn khỏi dự án. Tổng số tiền vốn góp mà Công ty Cổ phần đầu tư phát triển TDK có trách nhiệm hoàn trả Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ hạ tầng xăng dầu là 40.238.275.000 đồng.

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tin học Viễn thông Petro	342.018.667	342.018.667	534.342.466	534.342.466
Công ty CP Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	918.837.304	918.837.304	1.486.770.376	1.486.770.376
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tổng hợp Hà Nội	-	-	3.834.035.832	3.834.035.832
Các đối tượng khác	61.343.202	61.343.202	1.486.062.919	1.486.062.919
Tổng	1.322.199.173	1.322.199.173	7.341.211.593	7.341.211.593

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	9.619.534.225	11.056.895.921
Công ty TNHH Thương mại VHC	2.491.909.985	2.491.909.985
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-	1.866.000.000
Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex	1.399.540.400	1.439.864.400
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	917.452.500	959.193.500
Công ty CP Đầu tư Xăng dầu Việt Lào	609.760.800	609.760.800
Các đối tượng khác	4.200.870.540	3.690.167.236
<i>Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>		<i>1.866.000.000</i>
<i>Chi tiết trình bày tại Thuyết minh 6.1</i>		
<i>- Thông tin các bên liên quan</i>		
Tổng	9.619.534.225	11.056.895.921

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	333.968.964	1.013.610.270	998.207.659	349.371.575
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu		345.211.478	345.211.478	-
Thuế TNDN	96.683.312	280.360.532	271.904.923	105.138.921
Thuế thu nhập cá nhân	148.315.282	608.574.769	678.694.842	78.195.209
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Tổng	578.967.558	2.256.757.049	2.303.018.902	532.705.705

Phải thu	01/01/2020 VND	Số được khấu trừ / Phải nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ / thực nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	205.533.900	-	-	205.533.900
Tổng	205.533.900	-	-	205.533.900

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	23.821.155.988	26.095.231.742
Tiền cho thuê tài sản, thiết bị cửa hàng xăng dầu tại Huế và Đà Nẵng	20.853.363.636	22.751.545.455
Tiền thuê nhà	2.967.792.352	3.343.686.287
Tổng	23.821.155.988	26.095.231.742

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.053.931.361	31.986.100.770
Kinh phí công đoàn	67.016.120	48.026.210
Bảo hiểm xã hội;	-	69.771.380
Bảo hiểm y tế	-	12.261.647
Bảo hiểm thất nghiệp	-	5.453.243
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển TDK (2)	-	26.938.275.000
Nguyễn Đình Chiến (1)	2.200.000.000	2.200.000.000
Cổ tức phải trả	143.994.700	145.914.700
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	913.922.827	945.805.135
Vốn hoàn trả các cổ đông (3)	1.237.010.000	1.253.010.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	491.987.714	367.583.455
b) Dài hạn	759.000.000	759.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (4)	759.000.000	759.000.000
Tổng	5.812.931.361	32.745.100.770

(1): Hợp đồng đặt cọc ngày 03/03/2014, Ông Chiến đặt cọc số tiền là 10% giá trị tạm tính của lô đất để khai thác khu đất hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 01 Trần Phú và số 06 Bạch Đằng, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng.

(2) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển TDK tạm thanh toán tiền theo Phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/TDK-PLAND/2019 ngày 27/3/2019 về việc PLAND thoái vốn khỏi dự án Khu nhà ở và Văn phòng cho thuê TDK tại xã Tiên Phong - Mê Linh - Hà Nội.

(3): Hoàn trả vốn các cổ đông theo Nghị quyết số 38/Pland-NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông.

(4): Nhận đặt cọc tiền thuê văn phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TÀNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	100.000.000.000	12.739.309.410	1.376.525.328	(18.196.920.448)	1.738.706.483	97.657.620.773
Tăng trong năm	-	-	-	1.642.100.019	195.863.221	1.837.963.240
Lãi trong năm	-	-	-	1.642.100.019	-	1.642.100.019
Tăng khác	-	-	-	-	195.863.221	195.863.221
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Lỗ năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	100.000.000.000	12.739.309.410	1.376.525.328	(16.554.820.429)	1.934.569.704	99.495.584.013
Số dư tại 01/01/2020	100.000.000.000	12.739.309.410	1.376.525.328	(16.554.820.429)	1.934.569.704	99.495.584.013
Tăng trong năm	-	-	92.000.000	730.427.395	470.858.905	1.293.286.300
Lãi trong năm	-	-	-	730.427.395	-	730.427.395
Trích quỹ	-	-	92.000.000	-	-	92.000.000
Điều chỉnh tăng lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	470.858.905	470.858.905
Giảm trong năm	-	-	-	367.150.000	-	367.150.000
Tiền cổ tức	-	-	-	183.150.000	-	183.150.000
Trích quỹ	-	-	-	184.000.000	-	184.000.000
Số dư tại 31/12/2020	100.000.000.000	12.739.309.410	1.468.525.328	(16.191.543.034)	2.405.428.609	100.421.720.313

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết Vốn đầu tư chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tổng công ty xây lắp và TM Petrolimex	51.000.000.000	51.000.000.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đông Dương	5.000.000.000	5.000.000.000
Phạm Anh Tuấn	14.150.000.000	14.150.000.000
Công ty CP Chứng khoán SHS	9.800.000.000	9.800.000.000
Các cổ đông khác	15.050.000.000	15.050.000.000
Tổng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	17.167.824.076	7.514.535.560
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng	13.800.975.162	18.040.379.627
Doanh thu cho thuê thiết bị, CHXD	1.898.181.819	1.903.454.546
Doanh thu dịch vụ tư vấn thiết kế	14.088.001.793	11.854.098.915
Tổng	46.954.982.850	39.312.468.648

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	16.336.151.006	7.158.569.504
Giá vốn cho thuê văn phòng, dịch vụ	6.620.350.140	14.895.986.456
Giá vốn cho thuê thiết bị, CHXD	1.745.454.552	1.750.303.037
Giá vốn dịch vụ tư vấn thiết kế	9.562.560.164	7.726.811.442
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	-	(1.526.562.547)
Tổng	34.264.515.862	30.005.107.892

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	721.329.390	1.271.057.987
Chênh lệch tỉ giá	31.282.775	4.130.075
Lãi hợp tác đầu tư	1.916.108.333	1.868.166.667
Tổng	2.668.720.498	3.143.354.729

5.22 Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	47.161
Chi phí tài chính khác	-	(23.863.712)
Tiền lãi khi mua hàng theo hình thức trả chậm	21.499.254	19.543.866
Tổng	21.499.254	(4.272.685)

5.23 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.993.996.340	9.821.381.945
Chi phí nhân viên quản lý	5.166.391.836	4.846.645.006
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ	139.831.388	231.279.531
Chi phí đồ dùng văn phòng	483.004.363	633.706.286
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.155.446.456	577.042.144
Thuế, phí và lệ phí	83.846.982	35.991.207
Chi phí dự phòng	-	(697.857.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.836.740.247	1.897.130.342
Chi phí bằng tiền khác	1.128.735.068	2.297.444.929
b) Chi phí bán hàng	3.639.323.631	317.386.089
Chi phí nhân viên quản lý	805.980.668	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.328.469	-
Chi phí khấu hao	690.369.424	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.051.106.742	317.386.089
Chi phí khác bằng tiền	26.538.328	-
Tổng	13.633.319.971	10.138.768.034

5.24 Lợi nhuận khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản,	-	90.000.000
Nghiên cứu đầu tư, chuẩn bị DA số 1 Trần Phú, số 6	-	935.845.439
Bạch Đằng - Đà Nẵng	-	
Thu nhập khác	-	215.083
Tổng	-	1.026.060.522
Chi phí khác		
Truy thu và lãi chậm nộp bảo hiểm	91.084.321	1.685.045
Nghiên cứu đầu tư, chuẩn bị DA số 1 Trần Phú, số 6	-	1.057.049.176
Bạch Đằng - Đà Nẵng	-	
Chi phí khác	77.800.000	78.970.906
Tổng	168.884.321	1.137.705.127
Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)	(168.884.321)	(111.644.605)

5.25 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	236.130.656	250.384.968
Tổng	236.130.656	250.384.968

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	730.427.395	1.642.100.019
Các khoản điều chỉnh:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	730.427.395	1.642.100.019
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	73,04	164,21

5.27 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.318.790.206	329.539.547
Chi phí nhân công	13.864.163.089	10.885.408.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.943.122.872	1.723.167.994
Chi phí dự phòng	-	(697.857.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.140.139.259	2.323.085.410
Chi phí khác bằng tiền	1.155.273.396	4.463.573.055
Tổng	25.421.488.822	19.026.916.947

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Họ tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Trương Hùng Sơn	Chủ tịch	64.204.800	64.204.800
Ông Ngô Minh Sơn	Thành viên	-	44.140.800
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	-	11.035.200
Ông Lê Minh Quốc	Thành viên	20.231.200	33.105.600
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên	44.140.800	44.140.800
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	20.231.200	44.140.800
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	44.140.800	33.105.600
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên	44.140.800	44.140.800
Ông Phùng Ngọc Quang	Thành viên	23.909.600	
Tổng		260.999.200	318.014.400

Thù lao Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Trần Sỹ Tiến	Thành viên BKS	14.161.840	30.898.560
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên BKS	14.161.840	30.898.560
Bà Trần Thị Hương	Thành viên BKS	16.736.720	-
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên BKS	16.736.720	-
Tổng		61.797.120	61.797.120

Tiền lương Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bà Vũ Thị Thúy Diệp	Trưởng BKS	248.292.000	190.653.440
Tổng		248.292.000	190.653.440

Tiền lương của TGD và người quản lý khác

Họ tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Trương Hùng Sơn	Tổng Giám đốc	18.057.600	67.063.900
Ông Nguyễn Trung Kiên	Tổng Giám đốc	162.518.400	-
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc	-	16.645.000
Ông Phạm Lê Anh	Phó Tổng Giám đốc	248.292.000	136.408.907
Vũ Phương Nhung	Trưởng P.TCKT	194.119.200	182.548.029
Tổng		622.987.200	402.665.836

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty Cổ phần Tổng Công ty xây lắp và TM Petrolimex	Công ty mẹ	Cho thuê văn phòng	1.708.000.000	1.024.800.000
		Giao khoán điện nước tại 775 Giải Phóng	2.604.571.428	2.604.571.428

Mua hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty Cổ phần Tổng Công ty xây lắp và TM Petrolimex	Công ty mẹ	Thuê TS, QSD và khai thác kinh doanh tại 775 Giải Phóng	648.567.871	272.727.273

c. Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải thu	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Tổng Công ty xây lắp và TM Petrolimex	Công ty mẹ	Tiền thuê văn phòng và giao khoán điện nước tại 775 Giải Phóng (1)	3.503.123.913	563.640.000
		Đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng (2)	2.000.000.000	2.000.000.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		Tiền thuê hệ thống hạ tầng kỹ thuật (3)	85.800.000	-

- (1) Phải thu khách hàng
 (2) Ký quỹ ký cược dài hạn
 (3) Phải thu khách hàng

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		Mua hàng hóa	-	1.866.000.000

[*] Tại thời điểm phát hành Báo cáo này Công ty mẹ đã đổi tên thành Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty xây lắp và thương mại Petrolimex theo đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/03/2021.

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM- Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Kiên